

Số: 10/2024/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2024

THÔNG TƯ**Quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai,

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về hồ sơ địa chính, hướng dẫn việc lập, chỉnh lý, cập nhật, quản lý hồ sơ địa chính, việc khai thác, sử dụng và kiểm tra, giám sát đối với hồ sơ địa chính tại khoản 5 Điều 130 của Luật Đất đai và quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại khoản 2 Điều 134 của Luật Đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai; cơ quan có chức năng quản lý đất đai ở địa phương; Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; công chức làm công tác địa chính ở xã, phường, thị trấn.

2. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người được giao đất để quản lý.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Chương II

HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH

Mục 1

THÀNH PHẦN VÀ NỘI DUNG HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH

Điều 3. Bản đồ địa chính và sổ mục kê đất đai

1. Bản đồ địa chính bao gồm tờ bản đồ địa chính, mảnh trích đo bản đồ địa chính.

Bản đồ địa chính thể hiện thông tin không gian của thửa đất và đối tượng địa lý hình tuyến như đường giao thông, công trình thủy lợi, đê điều, sông, suối, kênh, rạch và đối tượng địa lý hình tuyến khác.

2. Sổ mục kê đất đai thể hiện thông tin thuộc tính của thửa đất và đối tượng địa lý hình tuyến.

3. Nội dung cụ thể của bản đồ địa chính, sổ mục kê đất đai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định về đo đạc lập bản đồ địa chính.

Điều 4. Sổ địa chính

1. Sổ địa chính thể hiện các thông tin thuộc tính sau:

a) Thông tin về thửa đất hoặc đối tượng địa lý hình tuyến theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Thông tư này;

b) Thông tin về người được Nhà nước giao đất để quản lý, người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Điều 12 của Thông tư này;

c) Thông tin về tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Điều 10 của Thông tư này;

d) Thông tin về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, quyền được giao đất để quản lý theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này;

đ) Thông tin về biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Điều 13 của Thông tư này.

2. Nội dung cụ thể của sổ địa chính thực hiện theo Mẫu số 01/ĐK của Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này.